TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 18/2023/DSPT Ngày: 30/6/2023 V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Bùi Minh Thư

Bà Trịnh Thị Thiện

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Bảo Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh L - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 08/TLPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 do có kháng cáo của bị đơn ông Lê Xuân S đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 09/2/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; theo Quyết định đưa ra xét xử phúc thẩm số 13/2023/QĐXX-PT ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1932; địa chỉ: Tổ L, tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Xuân S, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ L, tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Tiến N, sinh năm: 1952; địa chỉ: tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; (Văn bản ủy quyền lập ngày 20 tháng 3 năm 2023, số chứng thực: 134/2023 Quyển số: 02/2023-SCT/CK, CĐ của Ủy ban nhân dân phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh). (Có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lê Thị H, sinh năm: 1968; địa chỉ: tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. *Người đại diện theo ủy quyền cho bà Lê Thị H là*: ông Lê Xuân H1, sinh năm: 1973; địa chỉ: tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. (Văn bản ủy quyền lập ngày 21 tháng 7 năm 2022, số chứng thực: 423/2022 Quyển số: 01/2022-SCT/CK, CĐ của Ủy ban nhân dân phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh).

2. Bà Lê Thị H2, sinh năm: 1971; địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; (Có mặt)

3. Ông Lê Xuân H1, sinh năm: 1973; địa chỉ: tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; (Có mặt)

4. Ông Lê Xuân H3, sinh năm: 1984; địa chỉ: tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; (Có mặt)

5. Ông Lê Xuân B, sinh năm: 1989; địa chỉ: tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; *Người đại diện theo ủy quyền cho ông Lê Xuân B là*: ông Lê Xuân H3, sinh năm: 1984; địa chỉ: tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. (Văn bản ủy quyền lập ngày 30 tháng 8 năm 2022, số chứng thực: 480/2022 Quyển số: 01/2022-SCT/CK, CĐ của Ủy ban nhân dân phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh).

6. Bà Hồ Thị P, sinh năm: 1963; địa chỉ: Tổ L, tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; (Có mặt)

7. Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh: Địa chỉ: tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh. *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Hoài S1 – Chủ tịch UBND thị xã K. *Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Quốc H4, sinh năm: 1984 – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (Văn bản ủy quyền số 2822/UBND-TNMT, ngày 21 tháng 12 năm 2022 của UBND thị xã K). (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 09/2/2023 của Tòaán nhân dân thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày: Bà Đặng Thị T với ông Lê Xuân T1 là vợ chồng. Sau khi kết hôn ông T1, bà T sinh được 05 người con chung gồm Lê Xuân D (chết năm 1997), Lê Xuân S, Lê Thị H, Lê Thị H2, Lê Xuân H1. Quá trình chung sống vợ chồng ông T1, bà T có tạo lập được khối tài sản chung gồm:

- Thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K. Diện tích 139,8m2 (đất ở), được UBND huyện K (nay UBND thị xã K) cấp GCNQSDĐ số AB 119352; số vào sổ cấp GCN: H- 2216 ngày 26-11-2007; địa chỉ thửa đất: Khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) mang tên Lê Xuân T1 và Đặng Thị T.

- Thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K. Diện tích 152,7m2 (đất ở), được UBND huyện K (nay UBND thị xã K) cấp GCNQSDĐ số AD 935172; số vào sổ cấp GCN: H- 01010 ngày 20-02-2006; địa chỉ thửa đất: Khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) mang tên Lê Xuân T1 và Đặng Thị T và 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên thửa đất 1016.

- Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 70/371 được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) cấp giấy chứng nhận số BB646180 ngày 07-6-2010, mang tên Lê Xuân T1 và Đặng Thị T, diện tích 300m^2, trong đó: Đất ở là 100m^2 , đất trồng cây lâu năm là 200m^2 ; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh). Ngày 22/12/2021, thửa đất này ông T1 và bà T đứng tên trong quyền sử dụng đất cho con gái Lê Thị H2, trước khi khởi kiện vụ án Bà Đặng Thị T cùng tất cả các đồng thừa kế Lê Xuân S, Lê Thị H, Lê Thị H2, Lê Xuân H1, Lê Xuân B, Lê Xuân H3 đã lập biên bản thỏa thuận tặng cho thửa đất này cho bà Lê Thị H2. Ngày 14/01/2022, bà Lê Thị H2 đã làm thủ tục xác nhận tặng và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận QSD đất cho bà Lê Thị H2, nên bà Đặng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với thửa đất này.

Ngày 18/02/2018, ông Lê Xuân T1 chết không để lại di chúc. Nay bà Đặng Thị T muốn chia tài sản chung của bà và ông Lê Xuân T1 và chia phần di sản thừa kế của ông T1 trước khi chết để lại cho bà T và 05 người con(trong đó Lê Xuân D đã chết năm 1997, người thừa kế thế vị là 02 con của Lê Xuân D là cháu Lê Xuân H3 và Lê Xuân B), đối với 02 thửa đất số 1015 và 1016 và 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên thửa đất số 1016; địa chỉ tại tổ dân phố H, phường H, thị xã K. Tuy nhiên, trong quá trình gia đình họp bàn phân chia thì không tìm được tiếng nói chung, Ông Lê Xuân S – con trai của ông T1, bà T không đồng ý phân chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 06 mà đòi được quản lý và sử dụng toàn bộ thửa đất 1015 nên bà T đã viết đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu:

Chia di sản thừa kế của ông Lê Xuân T1 để lại trong khối tài sản chung của vợ chồng đối với 02 thửa đất: Thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K. Diện tích 139,8m2 (đất ở), được UBND huyện K (nay UBND thị xã K) cấp GCNQSDĐ số AB 119352; số vào sổ cấp GCN: H- 2216 ngày 26-11-2007; địa chỉ thửa đất: Khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) mang tên Lê Xuân T1 và Đặng Thị T; Thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K. Diện tích 152,7m2 (đất ở), được UBND huyện K (nay UBND thị xã K) cấp GCNQSDĐ số AD 935172; số vào sổ cấp GCN: H- 01010 ngày 20-02-2006; địa chỉ thửa đất: Khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) mang tên Lê Xuân T1 và Đặng Thị T và 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên thửa đất 1016. Còn đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 70/371 được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) cấp giấy chứng nhận số BB646180 ngày 07-6-2010, mang tên Lê Xuân T2 và Đặng Thị T, diện tích 300m^2, trong đó: Đất ở là 100m^2 , đất trồng cây lâu năm là 200m^2 ; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là tổ dân phố Đ, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) các đương sự đã thống nhất tặng cho bà Lê Thị H2 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị H2, Lê Thị H, Lê Xuân H1, Lê Xuân H3, Lê Xuân B lập văn bản thỏa thuận thống nhất giao thửa đất 1016 cho bà Đặng Thị T sử dụng, còn đối với thửa đất 1015 do khi phân chia cho các đồng thừa kế diện tích không đủ điều kiện để tách thửa nên thống nhất giao thửa đất cho bà Lê Thị H2 sử dụng, bà Lê Thị H2 có trách nhiệm đưa cho các đồng thừa kế phần tài sản được hưởng giá trị bằng tiền; đối với ngôi nhà cấp 4 xây trên thửa đất 1016 thì tặng cho bà Đặng Thị T sử dụng không yêu cầu phân chia ngôi nhà.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Bị đơn Lê Xuân S trình bày:

Ông Lê Xuân S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản thừa kế của bà Đặng Thị T đối với Thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K. Diện tích 139,8m^2 , ông S cho rằng thửa đất này là đất của ông mua và đã sử dụng ở ổn định, hàng năm đóng thuế sử dụng và không ai tranh chấp. Lý do ông không đồng ý vì vào năm 1999 cha ông là ông Lê Xuân T1 đã bán toàn bộ nhà và đất để lấy tiền cho Lê Xuân H1 đi nước ngoài, số tiền bán là 30.000.000 đồng, ông S là con trai cả lúc này đang làm ăn ở miền N biết tin ông T1 bán nhà và đất nên ông S đã gửi về 30.000.000 đồng để chuộc mảnh đất này và nhận chuyển nhượng từ ông T1 vào tháng 3/1999, khi ông T1 đo đất cho ông S có đầy đủ các thành phần tham gia và chứng kiến, cụ thể: bà Đặng Thị D1, ông Nguyễn Tiến N, bà Nguyễn Thị H5, bà Phạm Thị Á, bà Phạm Thị M, ông Phạm Văn B1. Do vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế đối với thửa đất 1015 và đề nghị xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K. Diện tích 139,8m2 (đất ở), được UBND huyện K (nay UBND thị xã K) cấp GCNQSDĐ số AB 119352; số vào sổ cấp GCN: H- 2216 ngày 26-11-2007; địa chỉ thửa đất: Khu phố H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) mang tên Lê Xuân T1 và Đặng Thị T; Đồng thời yêu cầu bà Đặng Thị T và các đồng thừa kế trả lại nguyên trạng thửa đất có diện tích 139,8m^2 mà cha ông là ông Lê Xuân T1 đã chuyển nhượng cho ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị P trình bày:

Bà Hồ Thị P là vợ của ông Lê Xuân S không có yêu cầu khởi kiện độc lập đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia tài sản thừa kế của bà Đặng Thị T đối với Thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K. Diện tích 139,8m2, vì thửa đất này chồng bà là ông Lê Xuân S đã mua của ông Lê Xuân T1 và đã sử dụng ở ổn định, hàng năm đóng thuế sử dụng và không ai tranh chấp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H, bà Lê Thị H2, ông Lê Xuân H1, Lê Xuân H3, Lê Xuân B đều trình bày:

Bà Lê Thị H, bà Lê Thị H2, ông Lê Xuân H1, Lê Xuân H3, Lê Xuân B không có yêu cầu khởi kiện độc lập đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan trong vụ án và hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của bà Đặng Thị T về thời điểm ông Lê Xuân T1 chết, về quan hệ huyết thống và di sản ông Lê Xuân T1 để lại như trên là đúng. Nay bà T là vợ ông T1 cùng 03 người con còn lại và 02 người cháu (con trai của Lê Xuân D đã chết). Bà Lê Thị H, bà Lê Thị H2, ông Lê Xuân H1, Lê Xuân H3, Lê Xuân B cùng bà Đặng Thị T thỏa thuận thống nhất giao thửa đất 1016 cho bà T sử dụng, đối với thửa đất 1015 do khi phân chia cho các đồng thừa kế diện tích không đủ điều kiện để tách thửa nên thống nhất giao thửa đất 1015 cho bà Lê Thị H2 sử dụng, bà Lê Thị H2 có trách nhiệm đưa cho các đồng thừa kế phần tài sản được hưởng giá trị bằng tiền; đối với ngôi nhà cấp 4 xây trên thửa đất 1016 thì tặng cho bà Đặng Thị T sử dụng không yêu cầu phân chia ngôi nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã K trình bày:

Theo hồ sơ cấp giấy CNQSD đất số phát hành AĐ935172, số vào sổ H01010 tại thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 06 và giấy CNQSD đất số phát hành AL119352, số vào sổ H2216 tại thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 06 của ông Lê Xuân T1, bà Đặng Thị T đều có nguồn gốc từ Quyết định số 05/QĐ.UB ngày 13/9/1982 của UBND huyện K(cũ) cấp cho ông Lê Xuân T1 (được thể hiện trong hồ sơ cấp GCNQSD đất). Hồ sơ cấp GCNQSD đất của ông Lê Xuân T1 và bà Đặng Thị T cho thấy quy trình, trình tự thủ tục, đảm bảo đúng quy định của pháp luật

Căn cứ vào hồ sơ lưu trữ, việc ông Lê Xuân S yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất số phát hành AL119352, số vào sổ H2216, được UBND huyện K (cũ) cấp ngày 26/11/2007 mang tên Lê Xuân T1 và bà Đặng Thị T tại thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 06, khu phố H, thị trấn K (nay là TDP H, phường H, thị xã K) với diện tích 139,8m^2, thủ tục cấp giấy CNQSD đất thửa đất 1015 đảm bảo đúng trình tự, đúng quy định của pháp luật, không có căn cứ để hủy giấy CNQSD đất số AL119352, số vào sổ H2216.

Người làm chứng Nguyễn Thị H5, Phạm Thị Á, Nguyễn Tiến N đều có ý kiến trình bày:

Khoảng đầu năm 1999, khi qua lại chơi với ông T1 nghe ông T1 nói về việc bán thửa đất mà ông đang ở cho gia đình khác nhưng rất may là con trai Lê Xuân S ở miền N biết được nên đã gửi tiền về chuộc lại nhà và đất nên ông không phải chuyển lên trại ở nữa. Ông T1 còn nói ông bán nhà là do con ông Lê Thị H và Lê Xuân H1 làm ăn ở nước ngoài cần tiền, sau đó họ còn chứng kiến việc ông T1 nhờ địa chính và Trưởng công an thị trấn đến đo đất để tách cho ông Lê Xuân S 01 thửa đất, còn sau đó thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất như thế nào thì không được rõ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 09/2/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố dụng dân sự; Điều 459, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật Dân

sự năm 2015; Điều 33, Điều 66 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 7 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị T về yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản.

- Bà Đặng Thị T được quyền sử dụng thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; Diện tích 158,4m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Xuân T1 và Đặng Thị T, địa chỉ:Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có tứ cận: Phía giáp mốc 203 Quốc lộ A dài 5,52m; Phía giáp thửa đất số 02(thửa 1015) dài 25,09m; Phía giáp đất nông nghiệp dài 8,21m; Phía giáp đất bà H dài 21,61m + 3,4m. Và tài sản trên đất gồm: Nhà ở cấp 4 xây dựng năm 2000: Móng đá hộc, tường xây gạch táp lô,lợp mái ngói đỏ, sàn lát gạch ceramic (gạch men Trung Quốc), diện tích 87,0m^2; Nhà bếp liền kề: Xây dựng năm 1998, tường thứng gỗ, lợp mái bia rô, nền nhà xi măng, diện tích 8,6m^2 và được nhận từ bà Lê Thị H2 số tiền 307.725.000 đồng; Tổng giá trị tài sản bà T được hưởng là: 1.876.900.000đ(một tỷ tám trăm bảy sáu triệu, chín trăm ngàn đồng) và có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần chia thừa kế ngôi nhà cấp 4 cho ông Lê Xuân S số tiền 9.970.833 đồng

Bà Đặng Thị T có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 1016 tờ bản đồ 06 địa chỉ Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Giao cho bà Lê Thị H2 được quyền sử dụng thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; Diện tích 161,1m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Xuân T1 và Đặng Thị T, nơi thường trú: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có tứ cận: Phía giáp mốc 203 Quốc lộ A dài 5,99m; Phía giáp thửa đất số 01(thửa 1016) dài 25,09m; Phía giáp đất nông nghiệp dài 6,72m; Phía giáp đất ông B2 dài 26,46m

Bà Lê Thị H2 có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế cụ thể: Trả cho bà Đặng Thị T: 307.725.000 đồng; Trả cho bà Lê Thị H: 292.875.000đ; Trả cho bà ông Lê Xuân H1 292.875.000đ; Trả cho bà ông Lê Xuân S 292.875.000đ; Trả cho ông Lê Xuân H3 và Lê Xuân B mỗi người 146.437.500 đồng;

Bà Lê Thị H2 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 1015 tờ bản đồ 06 địa chỉ Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Buộc ông Lê Xuân s tháo dỡ các tài sản trên thửa đất 1015 tờ bản đồ 06 địa chỉ Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 26 tháng 2 năm 2023, bị đơn ông Lê Xuân S kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, không bổ sung chứng cứ, tài liệu gì thêm.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa, HĐXX, thư ký phiên tòa đã đề nghị không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 09/2/2023 của TAND thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ "Tranh chấp về thừa kế tài sản" là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 BLTTDS và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của một số đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, Ủy ban nhân dân thị xã K nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo đềnghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa, ýkiến của các đương sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tạikhoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Kháng cáo của bị đơn về việc tranh chấp quyền sở hữu di sản thừa kế:

Theo lời khai thống nhất của các đương sự, kết quả xác minh tại địa phương, Tòa án cấp sơ thẩm xác đinh trong quá trình chung sống, ông Lê Xuân T1 và bà Đặng Thị T tạo lập được các tài sản chung như sau:

- Thửa đất số 1015 có diện tích 139,8m^2 (qua kiểm tra, đo đạc thực tế, thưở đất số 1015 có diện tích 161,1m^2), tờ bản đồ số 06; địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh mang tên ông Lê Xuân T1 và bà Đặng Thị T.

-Thửa đất số 1016 có diện tích 152,7m^2 (qua kiểm tra, đo đạc thực tế, thưở đất số 1016 có diện tích 158,4m^2), tờ bản đồ số 06; địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh mang tên ông Lê Xuân T1 và bà Đặng Thị T (Có 01 ngôi nhà cấp 4 xây trên đất).

Nguồn gốc đất tranh chấp là do ông T1, bà T sử dụng lâu dài, được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất. Đây là tài sản chung của vợ chồng ông Lê Xuân T1 và bà Đặng Thị T, không có tranh chấp từ trước khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến lúc ông T1 chết (năm 2018). Quá trình cấp giấy chứng nhân quyền sử dụng đất thửa số 1015 và 1016 của

Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là thị xã K) là đúng trình tự, thủ tục, đúng quy định của pháp luật.

Xác định di sản thừa kế của ông Lê Xuân T1 gồm: ½ diện tích đất 161,1m^2 = 80,55m^2 thuộc thửa đất 1015 có giá trị: 80,55m^2 x 11.000.000đ = 886.050. 000 đồng và ½ diện tích đất 158,4 m^2 = 79,2m^2 thuộc thửa đất 1016 có giá trị: 79,2m^2 x 11.000.000đ = 871.200.000 đồng cùng với ½ ngôi nhà cấp 4 và nhà bếp có diện tích 95,6 m^2 xây trên thửa đất số 1016 có giá trị: 119.650.000đ : 2 = 59.825.000 đồng, tổng giá trị di sản thừa kế là 886.050.000đ + 871.200.000đ + 59.825.000đ = 1.817.075.000 đồng(một tỷ tám trăm mười bảy triệu, không trăm bảy lăm ngàn đồng). Còn lại ½ số tài sản trên thuộc quyền sở hữu của bà Đặng Thị T trị giá 1.817.075.000 đồng(một tỷ tám trăm mười bảy triệu, không trăm bảy lăm ngàn đồng).

- Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật cụ thể như sau:

+ Đối với 80,55 m^2 đất ở của thửa đất số 1015 được chia đều cho 06 kỷ phần gồm: bà Đặng Thị T, ông Lê Xuân S, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H2, ông Lê Xuân H1, ông Lê Xuân D (do ông Lê Xuân D đã chết nên ông Lê Xuân H3 và ông Lê Xuân B là người thừa kế thế vị) là: 80,55 m^2 : 6 = 13,425m^2 trị giá là: 13,425m^2 x 11.000.000đ = 147.675.000 đồng.

+ Đối với 79,2m^2 đất ở của thửa đất số 1016 được chia đều cho 06 kỷ phần gồm: bà Đặng Thị T, ông Lê Xuân S, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H2, ông Lê Xuân H1, ông Lê Xuân D (do ông Lê Xuân D đã chết nên ông Lê Xuân H3 và ông Lê Xuân B là người thừa kế thế vị) là: 79,2m^2 : 6 = 13,2 m^2 trị giá là: 13,2m^2 x 11.000.000đ = 145.200.000 đồng.

+ Đối với ½ ngôi nhà cấp 4 và nhà bếp xây trên thửa đất số 1016 trị giá 59.825.000đồng, được chia đều cho 06 kỷ phần gồm: bà Đặng Thị T, ông Lê Xuân S, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H2, ông Lê Xuân H1, ông Lê Xuân D (do ông Lê Xuân D đã chết nên ông Lê Xuân H3 và ông Lê Xuân B là người thừa kế thế vị) là: 59.825.000đồng : 6 = 9.970.833 đồng.

Theo quy định về diện tích tối thiểu của thửa đất ở sau khi tách thửa được thực hiện như sau: Thửa đất ở được hình thành sau khi tách và thửa đất ở còn lại phải đảm bảo có lối đi ra đường công cộng và có kích thước cạnh (sau khi trừ chỉ giới xây dựng nếu có) như sau: Khu vực đô thị kích thước cạnh tối thiểu là 4m và khu vực nông thôn kích thước cạnh tối thiểu là 5m. Hai thửa đất số 1015 và số 1016, địa chỉ thửa đất: tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh nằm trong khu vực đô thị nên kích thước cạnh tối thiểu là 4m mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi chia di sản thừa kế của ông T1 để lại cho 6 kỷ phần, mỗi kỷ phần được 26,625 m^2 không đủ diện tích tách thửa để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về phần diện tích đất được hưởng cho các đồng thừa kế. Xét biên bản thỏa thuận giữa bà Đặng Thị T, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H2, ông Lê Xuân H1, ông Lê

Xuân H3 và ông Lê Xuân B lập vào ngày 02/11/2022 thống nhất để toàn bộ kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất mà được hưởng từ di sản thừa kế của ông T1 cho bà Lê Thị H2 sử dụng, bà Lê Thị H2 có nghĩa vụ đưa lại cho các đồng thừa kế phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất được hưởng giá trị bằng tiền; Đối với ½ ngôi nhà cấp 4 và nhà bếp trên thửa đất 1016 bà Lê Thị H, bà Lê Thị H2, ông Lê Xuân H1, ông Lê Xuân H3 và ông Lê Xuân B cũng thỏa thuận tặng cho bà Đặng Thị T sử dụng không yêu cầu phân chia thừa kế, bà Lê Thị H2 và bà Đặng Thị T đồng ý với thỏa thuận lập ngày 02/11/2022.

Xác định phần diện tích đất của bà Lê Thị H2 được sử dụng theo thỏa thuận là 26,625 m^2 x 5 = 133,125m^2 x 11.000.000đ = 1.464.375.000 đồng; Phần giá trị ngôi nhà cấp 4 và nhà bếp mà bà Đặng Thị T được sử dụng theo thỏa thuận là 9.970.833đ x 5 = 49.854.170 đồng.

Bà Đặng Thị T hiện đang sinh sống trên thửa đất số 1016 có diện tích là 158,4m^2 cùng ngôi nhà cấp 4 xây trên thửa đất; Xét điều kiện thực tế và nhu cầu sử dụng của bà Đặng Thị T, nên giao thửa đất này cho bà Đặng Thị T sử dụng là phù hợp, đúng với thỏa thuận lập ngày 02/11/2022 giữa bà Đặng Thị T3, Lê Thị H, Lê Thị H2, Lê Xuân H1, Lê Xuân H3, Lê Xuân B.

Qua kiểm tra đo đạc thực tế, phần diện tích tại thửa đất số 1016 là 158,4 m^2 nhỏ hơn phần diện tích tại thửa đất số 1015 là 161,1m^2 - 158,4 m^2 = 1,35m^2(diện tích đất này bà T được hưởng), để phù hợp với việc phân chia di sản phù hợp với thực tế thì nên giao phần diện tích 1,35m^2(diện tích đất này bà T được hưởng) tại thửa đất 1015 cho bà H2 sử dụng, bà H2 có trách nhiệm đưa lại số tiền tương ứng 1,35m^2 x 11.000.000đ = 14.850.000đ cho bà Đặng Thị T là hợp lý.

Xét điều kiện của ông Lê Xuân S đã có chỗ ở ổn định, việc phân chia phần di sản thừa kế quyền sử dụng đất cho ông S cũng không đủ diện tích để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Do vậy, phần diện tích đất của của ông S được hưởng 26,625 m^2 nên giao cho bà Lê Thị H2 sử dụng, bà Lê Thị H2 có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị tương đương kỷ phần diện tích đất ông S được nhận là 26,625 m^2 x 11.000.000đ= 292.875.000 đồng và bà Đặng Thị T có trách nhiệm hoàn trả lại giá trị tương đương kỷ phần ngôi nhà cấp 4 ông S được hưởng là: 9.970.833 đồng. Tổng số tiền ông Lê Xuân S được hưởng là 292.875.000đ + 9.970.833đ = 302.845.000 đồng

Như vậy, bà Lê Thị H2 được sử dụng diện tích đất tại thửa đất 1015 cụ thể: 133,125m^2 + 26,625 m^2 + 1,35m^2 = 161,1m^2; Bà Lê Thị H2 có trách nhiệm đưa lại cho Bà Đặng Thị T số tiền: 292.875.000đ + 14.850.000đ = 307.725.000 đồng; Lê Thị H: 292.875.000đ; ông Lê Xuân H1 292.875.000đ; ông Lê Xuân S 292.875.000đ; ông Lê Xuân H3 và Lê Xuân B mỗi người 146.437.500 đồng;

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định di sản thừa kế và phân chia đúng theo quy định của pháp luật. Đối với thưở 1015, bị đơn cho rằng ông Lê Xuân T1 đã bán lại toàn bộ đất và nhà ở cho ông (có lập giấy chuyển nhượng viết tay), ông

Lê Xuân S đã mua và sử dụng đất ở ổn định, hàng năm đóng thuế và không ai tranh chấp. Quá trình thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng Q - chi nhánh K và tại văn bản số 2822/UBND-TNMT ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã K xác định: năm 2006 ông Lê Xuân T1 và bà Đặng Thị T làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1015 và được UBND huyện K (nay UBND thị xã K) cấp GCNQSDĐ số AB 119352; số vào sổ cấp GCN: H- 2216 ngày 26-11-2007 mang tên ông T1 và bà T. Không có việc chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Lê Xuân S. Từ năm 2006 đến khi ông T1 chết (năm 2018) không có khiếu nại, tranh chấp gì về thửa đất nói trên, quá trình cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa đất 1015 là đúng trình tự, thủ tục, tòa án cấp sơ thẩm không xét yêu cầu hủy GCNQSDĐ của bị đơn là có căn cứ. Đối với thửa số 1016 và ngôi nhà cấp 4 trên đất, bà Lê Thị H, bà Lê Thị H2, ông Lê Xuân H1, ông Lê Xuân H3 và ông Lê Xuân B đã thỏa thuận tặng cho bà Đặng Thị T tiếp tục sử dụng, không yêu cầu phân chia thừa kế. Bà Lê Thị H2 và bà Đặng Thị T đồng ý với thỏa thuận lập ngày 02/11/2022 nên cấp sơ thẩm giao cho bà Đặng Thị T được quyền sử dụng thửa đất số 1016, bà T có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần chia thừa kế ngôi nhà cấp 4 cho ông Lê Xuân S số tiền 9.970.833 đồng là đúng quy định pháp luật.

Đối với thửa đất số 40, tờ bản đồ số 70/371 được UBND huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh) cấp giấy chứng nhận số BB646180 ngày 07/6/2010, mang tên Lê Xuân T1 và Đặng Thị T, ông Lê Xuân S cho rằng đây cũng là tài sản để chia thừa kế. Tuy nhiên tại biên bản thỏa thuận ngày 22/12/2021, ông Lê Xuân S cùng với bà Đặng Thị T, Lê Thị H, Lê Xuân H1, Lê Xuân B, Lê Xuân H3 đã lập biên bản thỏa thuận cho tặng thửa đất này cho bà Lê Thị H2 có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngày 14/01/2022, bà Lê Thị H2 đã làm thủ tục tặng cho và đã được cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển quyền sử dụng cho bà H2 nên không phải là tài sản để chia thừa kế nên không xem xét là có căn cứ.

[2.2] Về việc bị đơn cho rằng chưa được hòa giải:

Theo khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP quy định:

"*Đối với tranh chấp khác liên quan đến quyền sử dụng đất như: tranh chấp về giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất, chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất,... thì thủ tục hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp không phải là điều kiện khởi kiện vụ án*"

Đây là vụ án tranh chấp di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản, không phải vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất nên không bắt buộc hòa giải tại địa phương. Cấp sơ thẩm nhận đơn, thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm bị đơn ông Lê Xuân S

không có tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, do đó, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, ông Lê Xuân S, bà Lê Thị H2, bà Lê Thị H, ông Lê Xuân H1, ông Lê Xuân H3, ông Lê Xuân b phải chịu án phí dân sự theo quy định.

Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Xuân S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DSST ngày 09/2/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể:

Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố dụng dân sự; Điều 459, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 66 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 7 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị T về yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản.

- Bà Đặng Thị T được quyền sử dụng thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; Diện tích 158,4m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Xuân T1 và Đặng Thị T, địa chỉ:Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có tứ cận: Phía giáp mốc 203 Quốc lộ A dài 5,52m; Phía giáp thửa đất số 02(thửa 1015) dài 25,09m; Phía giáp đất nông nghiệp dài 8,21m; Phía giáp đất bà H dài 21,61m + 3,4m. Và tài sản trên đất gồm: Nhà ở cấp 4 xây dựng năm 2000: Móng đá hộc, tường xây gạch táp lô,lợp mái ngói đỏ, sàn lát gạch ceramic (gạch men Trung Quốc), diện tích 87,0m^2; Nhà bếp liền kề: Xây dựng năm 1998, tường thứng gỗ, lợp mái bia rô, nền nhà xi măng, diện tích 8,6m^2 và được nhận từ bà Lê Thị H2 số tiền 307.725.000 đồng; Tổng giá trị tài sản bà T được hưởng là: 1.876.900.000đ(một tỷ tám trăm bảy sáu triệu, chín trăm ngàn

đồng) và có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần chia thừa kế ngôi nhà cấp 4 cho ông Lê Xuân S số tiền 9.970.833 đồng

Bà Đặng Thị T có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 1016 tờ bản đồ 06 địa chỉ Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

- Giao cho bà Lê Thị H2 được quyền sử dụng thửa đất số 1015, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh; Diện tích 161,1m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Xuân T1 và Đặng Thị T, nơi thường trú: Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có tứ cận: Phía giáp mốc 203 Quốc lộ A dài 5,99m; Phía giáp thửa đất số 01(thửa 1016) dài 25,09m; Phía giáp đất nông nghiệp dài 6,72m; Phía giáp đất ông B2 dài 26,46m

Bà Lê Thị H2 có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho cho các đồng thừa kế cụ thể: Trả cho bà Đặng Thị T: 307.725.000 đồng; Trả cho bà Lê Thị H: 292.875.000đ; Trả cho bà ông Lê Xuân H1 292.875.000đ; Trả cho bà ông Lê Xuân S 292.875.000đ; Trả cho ông Lê Xuân H3 và Lê Xuân B mỗi người 146.437.500 đồng;

Bà Lê Thị H2 có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 1015 tờ bản đồ 06 địa chỉ Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Buộc ông Lê Xuân s tháo dỡ các tài sản trên thửa đất 1015 tờ bản đồ 06 địa chỉ Tổ dân phố H, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đặng Thị T; Ông Lê Xuân S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 15.142.292 đồng và 300.000 đồng án phí tranh chấp QSD đất; Bà Lê Thị H2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là14.643.750 đồng; Bà Lê Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.643.750 đồng; Ông Lê Xuân H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.643.750 đồng; Ông Lê Xuân H3 và ông Lê Xuân B mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 7.321.875 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Xuân S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thiện **Bùi Minh Thư** **Trần Thị Thu Hiền**

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND thị xã Kỳ Anh;
- Chi cục THADS thị xã Kỳ Anh;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hiền